|  |  |
| --- | --- |
| BỘ MÔN: VĂN  KHỐI LỚP: 10  TUẦN: 10/HK1 (từ **8/11/2021 đến 13/11/2021**) |  |

**TRƯỜNG THPT PHÚ NHUẬN**

**PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC**

**I. Nhiệm vụ tự học, nguồn tài liệu cần tham khảo:**

Nội dung 1**: CA DAO HÀI HƯỚC**

Nội dung 2**: ĐỌC THÊM: LỜI TIỄN DẶM**

Nội dung 3**: ÔN TÂP VĂN HỌC TRUNG ĐẠI**

\* Nguồn tài liệu cần có: SGK tập 1 hoặc SGK điện tử

\* Nguồn tài liệu tham khảo: Tài khoản MS Teams ( Bài giảng đã được lưu lại),

**II.Hướng dẫn cụ thể cho từng nội dung:**

***Nội dung 1:* CA DAO HÀI HƯỚC**

**1.Kiến thức cần ghi nhớ**

- Cảm nhận được tiếng cười lạc quan trong ca dao qua nghệ thuật trào lộng thông minh, hóm hỉnh của người bình dân cho dù cuộc sống của họ còn nhiều vất vả, lo toan.

- Tiếp tục rèn luyện kỹ năng tiếp cận và phân tích ca dao qua tiếng cười của ca dao hài hước.

- Trân trọng tâm hồn lạc quan yêu đời của người lao động và yêu quý tiếng cười của họ trong ca dao.

**2.Cách thức tiến hành**

- HS đọc SGK trang 90. Phân tích văn bản đề hình thành ý tưởng và nắm được nội dung, trả lời câu hỏi

- HS đọc SGK phần hướng dẫn học bài, trang 91. Phân tích và trả lời các câu hỏi

Chú ý đọc kĩ nắm rõ nội dung

- HS đọc phần Ghi nhớ trang 92, SGK

**3.Nội dung bài học**

**I. GIỚI THIỆU CHUNG:**

- Ca dao diễn tả đời sống tâm hồn, tư tưởng, tình cảm của nhân dân.

- Ca dao trào phúng 🡪 tiếng cười lạc quan, yêu đời.

- Nghệ thuật: hư cấu, dựng cảnh, chọn lọc chi tiết điển hình, cường điệu phóng đại, ngôn ngữ đời thường hàm chứa ý nghĩa sâu sắc.

**II. ĐỌC - TÌM HIỂU VĂN BẢN:**

**1. Bài 1:**

- Lối nói khoa trương, phóng đại.

- Lối nói giảm dần.

- Cách nói đối lập

- Chi tiết hài hước.

🡪 Người nông dân tự cười mình 🡪 bằng lòng cảnh nghèo, vui và thích thú trong lời thách cưới 🡪 dí dỏm, đáng yêu và cao đẹp.

🡪 triết lý nhân sinh của người lao động trong cuộc sống thuở xưa: đặt tình nghĩa cao hơn của cải.

**2. Bài 2, 3:**

- Bài 2 🡪 chế giễu đàn ông yếu đuối,🡪 nghệ thuật phóng đại, đối lập 🡪 bức tranh hài hước thật đặc sắc, thú vị 🡪 nghệ thuật trào lộng thông minh, hóm hỉnh 🡪 nhắc nhở.

- Hình ảnh đối lập 🡪 hài hước, thảm hại 🡪 gây cười, hàm chứa ý nghĩa sâu xa 🡪 lười nhác 🡪 vô tích sự.

🡪 Nghệ thuật trào lộng 🡪 châm biếm, phê phán nội bộ nhân dân 🡪 nhắc nhở tránh thói hư tật xấu.

**3. Bài 4:**

- Nghệ thuật phóng đại tài tình, trí tưởng tượng phong phú 🡪 hài hước để mua vui, giải trí 🡪 châm biếm nhẹ nhàng đối với loại phụ nữ đỏng đảnh, vô duyên.

- Hư cấu hài hước 🡪 cái nhìn nhân hậu, thông cảm 🡪 nhắc nhở nhẹ nhàng.

**III. TỔNG KẾT VÀ LUYỆN TẬP:**

1. Tổng kết kiến thức phần đọc hiểu văn bản:

Bằng nghệ thuật trào lộng thông minh, hóm hỉnh, những tiếng cười đặc sắc trong ca dao - tiếng cười giải trí, tiếng cười tự trào (tự cười mình) và tiếng cười châm biếm, phê phán - thể hiện tâm hồn lạc quan yêu đời và triết lý nhân sinh lành mạnh trong cuộc sống còn nhiều vất vả, lo toan của người bình dân.

**2. Luyện tập:**

**Bài 1:**

- Không mặc cảm, bằng lòng với cảnh nghèo, vui và thích thú trong thách cưới.

- Lời thách cưới thật khác thường.

**Bài 2:**

Sưu tầm ca dao hài hước.

***Nội dung 2:* ĐỌC THÊM: LỜI TIỄN DẶN**

**1.Kiến thức cần ghi nhớ**

- Hiểu được tình yêu tha thiết thuỷ chung và khát vọng tự do yêu đương của các chàng trai, cô gái Thái.

- Thấy được đặc điểm nghệ thuật của truyện thơ.

- Rèn kĩ năng tự đọc, tự học có hướng dẫn

- Lòng cảm thông, thương xót cho cuộc sống khổ đau của người

- Thái, đặc biệt là người phụ nữ Thái trong XHPK.

- Trân trọng khát vọng tự do yêu đương và hạnh phúc lứa đôi của họ.

**2.Cách thức tiến hành**

- HS đọc SGK trang 93 phần tiểu dẫn để nắm sơ nét về tác giả, tác phẩm

- HS đọc SGK trang 94 đến 96, để hiểu được nội dung cũng như nghệ thuật của tác phẩm (chú ý trả lời các câu hỏi trong phần gợi ý trang 96)

**3. Nội dung bài học**

|  |
| --- |
| **I. Đọc – Tìm hiểu tiểu dẫn**  **1. Truyện thơ** : Là những truyện kể dài bằng thơ, có sự kết hợp giữa hai yếu tố tự sự và trữ tình, phản ánh số phận của những người nghèo khổ và khát vọng về tình yêu tự do, hạnh phúc và công lý. |
| **2. Tác phẩm** : Tiễn dặn người yêu  - **Bố cục** : gồm 1846 câu thơ  - **Người dịch** : Mạc Phi  - **Tóm tắt** : Theo 3 phần  + Đôi trẻ yêu nhau tha thiết  + Tình yêu tan vỡ, đau khổ  + Tìm cách thoát khỏi cảnh ngộ vượt qua khó khăn để trở về sống hạnh phúc |
| **3. Đoạn trích** : Lời tiễn dặn  **a. Bố cục**: 2 phần (sgk) |
| **b Đại ý :** Tâm trạng xót thương của chàng trai trên đường tiễn cô gái về nhà chồng và chứng kiến cảnh cô bị người chồng đánh đập. Đồng thời đoạn trích còn khẳng định khát vọng hạnh phúc, tình yêu thuỷ chung của chàng trai với cô gái. |
| **II. Đọc – hiểu văn bản**  **1. Tâm trạng của chàng trai (*và cô gái* – *qua sự mô tả của chàng trai)*, trên đường tiễn dặn**.  - **Cách gọi** của chàng trai :  + Người đẹp anh yêu >< cất bước theo chồng  -> yêu thương, trìu mến -> khẳng định tình yêu vẫn còn thắm thiết >< sự thực đau lòng là cô gái đã có chồng. |
| - **Cảm nhận** của chàng traivề tâm trạng cô gái  \* Khi cô qua đường rộng  + Vừa đi vừa ngoảnh lại  + Vừa đi vừa ngoái trông  -> Hành động thể hiện sự nuối tiếc, níu kéo những giây phút cuối cùng còn được ở bên chàng trai và tâm trạng xót xa khi “chân bước xa lòng càng đau càng nhớ” của cô gái |
| \* Khi cô gái qua các khu rừng :  + Em tới rừng ớt …. Ngồi chờ  + Em tới rừng cà.. ngồi đợi  + Tới rừng lá ngón, ngóng trông  =>Qua nghệ thuật điệp từ, các hình tượng có tính chất tăng tiến kết hợp với các động từ “chờ, đợi, ngóng trông” đã diễn tả nỗi lòng đầy khắc khoải và tâm trạng bồn chồn, đau khổ, đắng cay của côgái nhưmuốn bám víu trong sự vôvọng |
| - Cử chỉ, hành động của chàng trai  + Được nhủ đôi câu.. mới đành lòng  + Được dặn đôi lời… mới chịu quay đi  +….  + Nựng con rồng, con phượng ..  -> Cử chỉ âu yếm, hành động săn sóc hết sức sôi nổi, thiết tha trong **tâm trạng vừa luyến tiếc, day dứt vừa ý thức được hoàn cảnh không thể thay đổi.**  - Lòng quyết tâm giữ trọn tình yêu của chàng trai.  + Đôi ta…. Đợi tới tháng năm rau nở  + ………………………………………………………………………………..  + … ta sẽ lấy nhau khi goá bụa về già  -> Bước đi của thời gian được diễn tả bằng những hình ảnh thiên nhiên núi rừng đã phác hoạ, phần nào nghĩa thuỷ chung, tình yêu sâu sắc bất tử của chàng trai đối với cô gái. Đồng thời cũng thể hiện thái độ bất lực chấp nhận tập tục hôn nhân do cha mẹ định đoạt.  \* **Tóm lại** : Toàn bộ tâm trạng của chàng trai trong đoạn 1 là tâm trạng rối bời, đầy mâu thuẫn khi phải từ biệt người yêu, tiễn cô về nhà chồng. Tâm trạng đó là của một người có tình yêu tha thiết, thuỷ chung. |
| **2. Cử chỉ, hành động và tâm trạng của chàng trai lúc ở nhà chồng cô gái.**  - Cử chỉ hành động :  + “Dậy đi em. Dậy đi em ơi !  +. . .  + Lam ống thuốc này em uống khỏi đau”  -> Chàng trai cảm thông săn sóc, vỗ về an ủi cô gái bằng những lời lẽ hết mực yêu thương trong nỗi xót xa đầy thương cảm.  -> Hình ảnh cô gái bị đánh đập, hành hạ thảm thương đã khái quát lên một sự thực đau lòng về số phận người phụ nữ ở xã hỗi miền núi ngày xưa,.  - Lời tiễn dặn của chàng trai  +. . .  + . . .về với người ta thương thuở cũ  + chết thành hồn, chung một mái song song  -> Qua từ ngữ, kiểu câu trùng điệp + hình ảnh  ẩn dụ đã khẳng định tình yêu mãnh liệt sống chết có nhau, đồng thời cũng là thái độ phản kháng lại hoàn cảnh và lên án xã hội bất công vô lý, cần phải thay đổi  + Yêu nhau. . trọng đời gỗ cứng  + Người xiểm xui . . không nghe  -> Những câu thơ chắc gọn + từ láy đã thể hiện khát vọng đựơc sống trong tình yêu và lòng quyết tâm không gì thay đổi.  \* Tóm lại : Đoạn 2 là lời tiễn dặn trong khát vọng đòi quyền sống cho con người. |
| **III. Luyện tập**  1. Đoạn trích sử dụng rất nhiều câu thơ có dùng phép điệp. Hãy tìm và nhận xét giá trị biểu cảm của những câu thơ đó/  2. So sánh giữa hai lời tiễn dặn |

***Nội dung 3:* ÔN TẬP VĂN HỌC TRUNG ĐẠI VIỆT NAM**

**1.Kiến thức cần ghi nhớ**

- Củng cố, hệ thống hoá các kiến thức về văn học dân gian Việt Nam đã học: kiến thức chung, kiến thức về thể loại và kiến thức về tác phẩm.

- Biết vận dụng đặc trưng các thể loại của văn học dân gian để phân tích các tác phẩm cụ thể.

**2.Trọng tâm bài học**

- Lập được bảng tổng hợp, so sánh các thể loại của văn học dân gian.

- Vận dụng kiến thức thực hiện bài tập.

3. Học sinh cần chuẩn bị:

- Sách giáo khoa, tài liệu tham khảo, bài soạn, các tác phẩm văn học dân gian đã học trong chương trình SGK lớp 10

- Đọc văn bản và chuẩn bị theo hướng dẫn học bài trang 100, 101,102.

**-** Học sinh cần kết hợp các kiến thức về lịch sử, về văn hoá dân gian.

- Hình thức tiến hành: bảng tóm tắt, sơ đồ.

**NỘI DUNG ÔN TẬP: Học sinh xem lại bài khái quát văn học dân gian Việt Nam SGK trang 16 để trả lời các câu hỏi trong phần ôn tập trang 100, 101**

**1. Văn học dân gian:**

- Là những tác phẩm nghệ thuật ngôn từ truyền miệng được hình thành, tồn tại, phát triển nhờ tập thể và gắn bó, phục vụ trực tiếp cho các hoạt động khác nhau trong đời sống cộng đồng.

- Đặc trưng tiêu biểu: tính truyền miệng, tính tập thể thể hiện sự gắn bó mật thiết với các sinh hoạt khác nhau trong đời sống cộng đồng..

**2. Thể loại văn học dân gian:**

- Truyện dân gian: thần thoại, sử thi, truyền thuyết, truyện cổ tích, ngụ ngôn, truyện cười, truyện thơ.

- Câu nói dân gian: tục ngữ, câu đố.

- Thơ ca dân gian: ca dao, vè.

- Sân khấu dân gian: chèo, tuồng dân gian.

**BÀI TẬP VẬN DỤNG: Học sinh xem lại các tác phẩm văn học dân gian trong chương trình SGK lớp 10, tập 1 để trả lời các câu hỏi vận dụng**

Bài 1:

- Đọc văn bản đoạn trích Chiến thắng Mtao Mxây.

- Nét nổi bật trong nghệ thuật miêu tả nhân vật anh hùng của sử thi: so sánh, phóng đại, trùng điệp.

- Vẻ đẹp của người anh hùng sử thi được lý tưởng hoá vẻ đẹp kỳ vĩ trong khung cảnh hoành tráng.

**Bài 2:**

- Cái lõi sự thật lịch sử: cuộc xung đột An Dương Vương -Triệu Đà thời kỳ Âu Lạc ở nước ta.

- Bi kịch được hư cấu: bi kịch tình yêu.

- Chi tiết hoang đường, kỳ ảo: thần Kim Quy, nỏ thần, ngọc trai - giếng nước.

- Kết cục của bi kịch: mất tất cả: tình yêu, gia đình, đất nước.

- Bài học: Cảnh giác giữ nước, không chủ quan, nhẹ dạ, cả tin.

**Bài 3:**

- Chú ý quá trình diễn biến của nhân vật Tấm: yếu đuối, thụ động (khóc, nhờ Bụt giúp đỡ) 🡪 kiên quyết đấu tranh giành lại hạnh phúc

- Lý giải sự tiến triển hành động của Tấm.

**Bài 4, 5, 6:** học sinh tự làm bài tập, tham khảo, vận dụng các tư liệu khác SGK để trả lời câu hỏi

**III. TỔNG KẾT:**

- Văn học dân gian Việt Nam, các thể loại, đặc trưng.

- Học văn học dân gian là để tự bồi dưỡng nhân cách, đạo đức, tình cảm, quan niệm thẩm mỹ và trau dồi tiếng mẹ đẻ.